

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2021/HC-ST

Ngày: 19-01-2021

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính về việc ấn định thuế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hoài Nam.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lệ Chiêu – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Trần Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 và ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại Phòng xử án của Tòa án
nhân dân Thành phố H đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
207/HCST ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính
về việc ấn định thuế”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6236/2020/QĐXXST-HC ngày 08
tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 27031/2020/QĐST-HC ngày
21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty TNHH FB (Việt Nam).

Địa chỉ: Tòa nhà Bitexco Financial Tower, phường B, Quận A, Thành phố
H.

Người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện: Bà T – Tổng Giám
đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Ông Phạm Việt C (có mặt).

- Bà Vũ Thị Thu H (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tòa nhà Bitexco Financial Tower, phường B, Quận A,
Thành phố H.

Theo Giấy ủy quyền ngày 06/9/2018 của Tổng giám đốc Công ty TNHH FB (Việt Nam).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của của người khởi kiện: Ông Lê N – Công ty Luật X – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: Tòa nhà Bitexco Financial Tower, phường B, Quận A, Thành phố H.

2. *Người bị kiện:* Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan.

Địa chỉ: Tòa nhà Tổng cục Hải quan, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Dương Phú Đ – Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trần Lê T1 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Lô E3, đường D, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thị Thanh P (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 129 Đường S, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Ông Nguyễn Duy C1 (có mặt).

Địa chỉ: 15B Đường T, phường B, Quận A, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện là ông Công ty TNHH FB (Việt Nam) có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Việt C, bà Vũ Thị Thu H trình bày:***

Theo đơn khởi kiện, Công ty TNHH FB (Việt Nam) yêu cầu hủy Quyết định số 262/QĐ-KTSTQ ngày 12/06/2018 (viết tắt Quyết định 262) của Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan về việc điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) không phù hợp quy định và không đủ điều kiện để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt. Theo đó, tổng số tiền thuế ấn định phải nộp là:

Thuế nhập khẩu: 95.347.830.557 (VNĐ)

Thuế giá trị gia tăng: 9.536.301.021 (VNĐ)

Tổng số: 104.884.131.578 (một trăm lẻ bốn tỷ, tám trăm tám mươi bốn triệu, một trăm ba mươi một ngàn, năm trăm bảy mươi tám) đồng.

Lý do khởi kiện:

Đối với kết luận của người bị kiện về “Tính hợp lệ” của 1.172 giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O mẫu AANZ có hóa đơn nước thứ ba phát hành nhưng tại ô số 10 không khai báo số của hóa đơn do nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu phát hành theo quy định, người khởi kiện cho rằng 1.172 C/O mẫu AANZ

này hoàn toàn phù hợp quy định và đủ điều kiện để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt bởi vì những lý do sau:

- Theo quy định tại Mục tổ chức cấp C/O, Phụ lục III, Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24/9/2015 của Bộ Công thương ban hành thực hiện quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN-Úc-NewZealand quy định: Cơ quan cấp C/O là cơ quan của nước thành viên xuất khẩu. Trong trường hợp của Fonterra VN, Phòng thương mại NewZealand (CCNZ) là cơ quan cấp C/O mẫu AANZ đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

- CCNZ đã cấp C/O theo mẫu thống nhất giữa các bên trong Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN-Úc-NewZealand (AANZFTA) và đáp ứng đầy đủ những thông tin tối thiểu của C/O quy định tại AANZFTA (cũng như quy định về thủ tục cấp C/O tại Phụ lục III và quy định về thông tin tối thiểu của Phụ lục IV, Thông tư 31/2015/TT-BCT).

- Khi cấp C/O cho nhà xuất khẩu, CCNZ không yêu cầu thông tin hóa đơn của nhà xuất khẩu ghi tại ô số 10. C/O mẫu AANZ do CCNZ phát hành theo cùng một quy trình không chỉ sử dụng cho hoạt động nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam mà còn ở các nước thành viên AANZFTA khác. Việc cơ quan hải quan yêu cầu cung cấp hóa đơn của nhà xuất khẩu theo Điểm 14 Phụ lục VI Thông tư 31 là không đúng luật vì Điểm 14 Phụ lục VI chỉ áp dụng cho quy trình kê khai, quy trình kiểm tra quy định tại Phụ lục III.

Theo người khởi kiện, trong trường hợp có nghi ngờ về tính hợp lệ cũng như tính xác thực của thông tin ghi trên C/O thì cơ quan hải quan nước nhập khẩu căn cứ Điều 17.2 Phụ lục về quy trình cấp chứng nhận của Hiệp định AANZFTA và Điều 17, Phụ lục III thủ tục cấp và kiểm tra giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, Thông tư 31 về thủ tục kiểm tra xuất xứ hàng hóa đề: *“Tiến hành các biện pháp kiểm tra để đảm bảo tính hợp lệ của Giấy chứng nhận xuất xứ hoặc bằng chứng tài liệu xuất xứ khác; Yêu cầu người nhập khẩu cung cấp thông tin về hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan; Đề nghị tổ chức cấp C/O (bằng văn bản) của nước thành viên xuất khẩu kiểm tra thông tin do người xuất khẩu và nhà sản xuất cung cấp.”*

Để nhập khẩu hàng hóa từ NewZealand về Việt Nam, Công ty TNHH FB (Việt Nam) chuẩn bị và nộp bộ hồ sơ để thực hiện thủ tục khai báo hải quan và nhập khẩu hàng hóa bao gồm:

- Tờ khai Hàng hóa nhập khẩu;
- Hóa đơn thương mại;
- Vận đơn;
- Giấy chứng nhận xuất xứ;
- Các giấy tờ khác (packing list, health certificate,...).

Mặc dù tại ô số 10 của C/O không thể hiện thông tin số hóa đơn của nhà xuất khẩu nhưng số hóa đơn của nhà xuất khẩu đã được ghi tại ô thứ hai trên cùng, góc phải của hóa đơn thương mại do nước thứ ba phát hành trong bộ hồ sơ khai báo hải quan nộp cho cơ quan hải quan cùng với giấy chứng nhận xuất xứ và mục thứ 2 góc phải vận đơn (export reference) cũng có số hóa đơn của nhà sản xuất. Như vậy, hồ sơ của doanh nghiệp không thiếu, thông tin về hóa đơn

của nhà xuất khẩu đã được khai báo trong hóa đơn thương mại đính kèm bộ hồ sơ hải quan khi nhập khẩu.

Mặt khác, tại Khoản 3 Thông tư 07/2020/TT-BCT của Bộ Công thương về việc sửa đổi Thông tư 31/2015/TT-BCT quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN-Úc-NewZealand được ban hành ngày 30/3/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2015 đã quy định như sau:

“3. Khoản 11 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 31/2015/TT-BCT được sửa đổi, bổ sung như sau:

*“11. Ô số 10: số và ngày của hóa đơn thương mại do nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hoặc **thương nhân bên thứ ba** phát hành cho lô hàng nhập khẩu vào nước nhập khẩu.””*

Nội dung này đã hướng dẫn rõ hơn những điều mà hai bên đang tranh chấp về nội dung ô số 10 mẫu AANZ đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, theo đó, tại ô này thì có thể khai báo số và ngày số của hóa đơn thương mại do nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hoặc **thương nhân bên thứ ba**. Trong trường hợp này, việc người khởi kiện đã điền đầy đủ ngày và số của hóa đơn thương mại do thương nhân bên thứ ba phát hành là đã phù hợp với quy định của Thông tư 07/2020/TT-BCT nói trên.

Đối với kết luận của phía người bị kiện về “tính hợp lệ” của 18 giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O mẫu AANZ cấp quá 03 ngày kể từ ngày xuất khẩu nhưng không đánh dấu vào tiêu chí “Issued Retroactively” tại ô số 13 trong C/O là sai quy định, người khởi kiện cho rằng 18 C/O mẫu AANZ này hoàn toàn phù hợp quy định và đủ điều kiện để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt vì lý do sau:

- Theo quy định tại Điều 10 Phụ lục về quy trình cấp chứng nhận của Hiệp định AANZFTA thì tiêu chí đánh dấu “Issued Retroactively” tại ô số 13 được quy định đối với các C/O đã được cấp trong vòng 03 ngày làm việc sau ngày xuất khẩu (theo quy định này phải được hiểu là 04 ngày làm việc tính từ ngày xuất khẩu).

- Mặt khác, căn cứ theo quy định của Bộ luật Dân sự thì khi tính thời hạn, thời hiệu, ngày đầu tiên không tính mà tính ngày tiếp theo bỏ ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ. Như vậy, Fonterra VN không có sai phạm trong việc thực hiện tiêu chí đánh dấu “Issued Retroactively” tại ô số 13 trên C/O.

- Bên cạnh đó, theo quy định mẫu hình thức của C/O theo Thông tư 31/2015/TT-BCT phụ lục VI là quy định cấp C/O cho **hàng hóa xuất khẩu** đi tức là tại Việt Nam xuất đi; Theo quy định tại Phụ lục II Thông tư 31/2015/TT-BCT quy tắc tối thiểu C/O không bắt buộc ghi vào ô số 10, nên các C/O của doanh nghiệp là hợp lệ.

Mặt khác, tại Khoản 2 Thông tư 07/2020/TT-BCT của Bộ Công thương về việc sửa đổi Thông tư 31/2015/TT-BCT quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN-Úc-NewZealand được ban hành ngày 30/3/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2015 đã quy định như sau:

“2. Khoản 1 Điều 10 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 31/2015/TT-BCT được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10

*1. C/O phải được cấp trong thời gian sớm nhất, nhưng không quá 03 ngày làm việc, **tính từ sau ngày xuất khẩu.**”*”

Nội dung này đã hướng dẫn rõ hơn những điều mà hai bên đang tranh chấp về cách tính thời hạn cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O mẫu AANZ. Theo đó, thời hạn cấp C/O là không quá 03 ngày làm việc **tính từ sau ngày xuất khẩu**. Do đó, việc người khởi kiện không đánh dấu vào tiêu chí “Issued Retroactively” tại ô số 13 trong C/O là không sai quy định.

** Người bị kiện là Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan có ý kiến trình bày:*

Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện, bởi lẽ:

Trên cơ sở Kết luận kiểm tra sau thông quan số 340/KL-KTSTQ ngày 08/6/2018 về Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) của Công ty TNHH FB (Việt Nam), ngày 12/6/2018, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan đã ban hành Quyết định số 262/QĐ-KTSTQ về việc ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu của Công ty TNHH FB (Việt Nam), tổng số tiền ấn định là: 104.884.131.578 đồng.

Ngày 09/8/2018, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan ban hành thêm Thông báo số 540/TB-KTSTQ theo đó đã ấn định số tiền chậm nộp theo Quyết định 262/QĐ-KTSTQ đối với người khởi kiện.

Cơ sở pháp lý ban hành Quyết định số 262/QĐ-KTSTQ:

Lý do ấn định thuế: Điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) không phù hợp quy định và không đủ điều kiện để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt. Các giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) không phù hợp gồm có:

- Đối với 1.172 giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O mẫu AANZ có hóa đơn nước thứ ba phát hành: Tại ô số 10 không ghi số của hóa đơn do nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu (FB New Zealand) phát hành mà ghi số hóa đơn của **thương nhân nước thứ ba** (FB Singapore). Kiểm tra các hóa đơn có số ghi trong ô số 10 của các C/O thì trên các hóa đơn đều có dẫn chiếu (seller's reference) đến hóa đơn của nhà sản xuất (FB New Zealand). Việc khai báo này đã trái với quy định điểm 14 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 31/2015/TT-BCT.

- Đối với 18 C/O mẫu AANZ cấp quá 03 ngày kể từ ngày xuất khẩu nhưng không đánh dấu vào tiêu chí “Issued Retroactively” tại ô số 13.

Theo người bị kiện, doanh nghiệp đã vi phạm quy định pháp luật, cụ thể: Căn cứ vào Thông tư số 33/2009/TT-BCT ngày 11/11/2009; Thông tư số

31/2015/TT-BCT ngày 24/9/2015 của Bộ Công thương ban hành thực hiện quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN-Úc-NewZealand quy định:

- Đánh dấu ✓ vào ô “ Subject of third-party invoice” trong trường hợp hóa đơn thương mại được phát hành bởi một công ty có trụ sở tại một nước thứ ba hoặc bởi nhà xuất khẩu đại diện cho công ty đó theo quy định tại Điều 22 của phụ lục số III. Số của hóa đơn do nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu phát hành và số của hóa đơn (nếu biết được) do thương nhân phát hành cho việc nhập khẩu vào nước nhập khẩu cần được ghi trong ô số 10; (Điều 14 phụ lục VI Thông tư 31);

- C/O phải được cấp trong thời gian sớm nhất, nhưng không quá 03 ngày làm việc tính từ ngày xuất khẩu. trong trường hợp C/O không được cấp như đã nêu tại khoản 1 của Điều này do sai sót không cố ý hoặc lý do xác đáng khác, C/O sẽ được cấp sau nhưng không quá 12 tháng tính từ ngày xuất khẩu và phải mang dòng chữ “Issued Retroactively” (Điều 1, Điều 2, Điều 10, Phụ lục III).

- Mẫu C/O mà hải quan xem xét là mẫu chung có quy định của các nước ký Hiệp định, nếu hàng hóa nhập khẩu thì phải hợp lệ với quy định của hải quan Việt Nam và phải đúng quy định của pháp luật Việt Nam. Vì vậy, C/O mẫu AANZ nêu trên của Công ty TNHH FB (Việt Nam) không phù hợp với quy định và không đủ điều kiện để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt.

Tranh chấp giữa các bên là do hiểu khác nhau về cách tính thời hạn, cơ quan hải quan căn cứ quy định tại Điều 10, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 31/2015/TT-BCT, theo đó:

Cơ quan hải quan bắt đầu tính từ ngày xuất khẩu (shipment date) đến ngày phát hành C/O thì đã quá 03 ngày làm việc (Ví dụ: Đối với C/O số 21.2016.24464 thì ngày xuất khẩu (shipment date) là 15/9/2016, ngày phát hành C/O là 20/9/2016. Như vậy, ngày 15/9/2016 (thứ năm) là ngày làm việc thứ nhất, ngày 16/9 (thứ sáu) là ngày làm việc thứ hai, ngày 17 và 18 là ngày nghỉ làm việc không tính và ngày 19/9/2016 (thứ hai) là ngày làm việc thứ 3 và lẽ ra C/O phải được cấp vào ngày này. Do đó, C/O trên được phát hành ngày 20/9/2016 là đã quá 03 ngày làm việc).

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 262/QĐ-KTSTQ ngày 12/06/2018 (viết tắt Quyết định 262) của Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan về việc ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu với số tiền 104.884.131.578 đồng. Ngày 09/8/2018, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan ban hành thêm Thông báo số 540/TB-KTSTQ theo đó đã ấn định số tiền chậm nộp theo Quyết định 262/QĐ-KTSTQ là 29.463.668.661 đồng. Phía người khởi kiện đã đóng toàn bộ số tiền thuế và số tiền chậm nộp theo yêu cầu của phía người bị kiện với tổng số tiền 134.347.800.239 đồng. Người khởi kiện yêu cầu người bị kiện hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã được nộp vào ngân sách nhà nước là 134.347.800.239 đồng. Người khởi kiện xác định không yêu cầu tiền lãi phát sinh từ ngày nộp số tiền 134.347.800.239 đồng vào ngân sách nhà nước.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là ông Lê N có ý kiến tranh luận:** Thông tư 07/2020/TT-BCT sửa đổi Thông tư 31/2015/TT-BCT quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN-Úc-NewZealand đã hướng dẫn cụ thể về các vấn đề mà hai bên đang tranh chấp. Thông tư 07/2020/TT-BCT có hiệu lực hồi tố từ ngày 01/10/2015, do đó 1190 giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O mẫu AANZ mà người khởi kiện cung cấp cho cơ quan hải quan là đúng quy định, đủ điều kiện để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Nguyễn Duy C1 có ý kiến tranh luận:**

Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan ban hành Quyết định số 262/QĐ-KTSTQ căn cứ vào Thông tư số 33/2009/TT-BCT ngày 11/11/2009; Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24/9/2015. Tuy nhiên, ngày 30/3/2020, Bộ trưởng Bộ Công thương đã ban hành Thông tư 07/2020/TT-BCT sửa đổi Thông tư 31/2015/TT-BCT quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN-Úc-NewZealand. Thông tư này có nội dung như sau:

2. Khoản 1 Điều 10 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 31/2015/TT-BCT được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10

1. C/O phải được cấp trong thời gian sớm nhất, nhưng không quá 03 ngày làm việc, tính từ sau ngày xuất khẩu.

3. Khoản 11 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 31/2015/TT-BCT được sửa đổi, bổ sung như sau:

“11. Ô số 10: số và ngày của hóa đơn thương mại do nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hoặc thương nhân bên thứ ba phát hành cho lô hàng nhập khẩu vào nước nhập khẩu.””

Thông tư 07/2020/TT-BCT có hiệu lực hồi tố từ ngày 01/10/2015. Tuy nhiên, tại thời điểm ban hành Quyết định số 262/QĐ-KTSTQ về việc ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu của Công ty TNHH FB (Việt Nam), người bị kiện đã thực hiện đúng theo các quy định tại Thông tư số 33/2009/TT-BCT và Thông tư số 31/2015/TT-BCT của Bộ Công thương. Nay, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:** Về thủ tục, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự; Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty TNHH FB (Việt Nam) và Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan là tranh chấp về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về ấn định thuế” được quy định tại Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Do có người bị kiện là Cục Kiểm tra sau thông quan nên căn cứ Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì việc thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Thành phố H.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 100 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan thì Cục Kiểm tra sau thông quan có thẩm quyền xử lý kết luận kiểm tra sau thông quan, ban hành các quyết định ấn định thuế. Do vậy, người khởi kiện xác định người bị kiện là Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan là đúng quy định pháp luật.

[3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

Người bị kiện là Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan có người đại diện theo pháp luật là ông Dương Phú Đ; Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Trần Lê T và bà Nguyễn Thị Thanh P đều đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 12/6/2018, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan ban hành Quyết định số 262/QĐ-KTSTQ về việc ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu của Công ty TNHH FB (Việt Nam). Ngày 25/6/2018, Công ty TNHH FB (Việt Nam) khởi kiện đối với quyết định hành chính nói trên là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu của người khởi kiện và ý kiến phản bác của người bị kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện và người bị kiện đều thống nhất rằng các bên còn tranh chấp các vấn đề cụ thể sau:

- 1.172 giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O mẫu AANZ có hóa đơn nước thứ ba phát hành nhưng tại ô số 10 không khai báo số của hóa đơn do nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu phát hành là đúng hay sai.

- 18 giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O mẫu AANZ cấp quá 03 ngày kể từ ngày xuất khẩu nhưng không đánh dấu vào tiêu chí “Issued Retroactively” tại ô số 13 trong C/O là đúng hay sai.

Phía người bị kiện cho rằng việc khai báo này đã trái với quy định Điểm 14 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 31/2015/TT-BCT của Bộ Công

thương, theo đó bắt buộc phải khai báo số của hóa đơn do nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu phát hành tại ô số 10 của giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O mẫu AANZ. Đồng thời cũng tại Điều 10, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 31/2015/TT-BCT thì C/O phải được cấp không quá 03 ngày làm việc tính từ ngày xuất khẩu.

Tuy nhiên, liên quan đến hai vấn đề pháp lý nói trên thì ngày 30/3/2020, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư 07/2020/TT-BCT về việc sửa đổi Thông tư 31/2015/TT-BCT quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN-Úc-NewZealand. Thông tư này có nội dung như sau:

“2. Khoản 1 Điều 10 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 31/2015/TT-BCT được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10

1. C/O phải được cấp trong thời gian sớm nhất, nhưng không quá 03 ngày làm việc, tính từ sau ngày xuất khẩu.

3. Khoản 11 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 31/2015/TT-BCT được sửa đổi, bổ sung như sau:

“11. Ô số 10: số và ngày của hóa đơn thương mại do nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hoặc thương nhân bên thứ ba phát hành cho lô hàng nhập khẩu vào nước nhập khẩu.””

Thông tư 07/2020/TT-BCT nói trên có hiệu lực hồi tố kể từ ngày 01/10/2015 (tức là sẽ phải được áp dụng cho thời điểm xử lý Kết luận kiểm tra sau thông quan số 340/KL-KTSTQ ngày 08/6/2018). Theo quy định nói trên thì tại ô số 10 giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O mẫu AANZ có thể khai báo số và ngày của hóa đơn thương mại do nhà xuất khẩu hoặc **nhà sản xuất hoặc thương nhân bên thứ ba** phát hành. Như vậy việc 1172 C/O mẫu AANZ có nội dung khai tại ô số 10 về ngày và số hóa đơn của thương nhân nước thứ ba (Fonterra Singapore) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Cũng theo quy định được viện dẫn trên thì C/O được cấp không quá 03 ngày làm việc, tính từ **sau** ngày xuất khẩu (Ví dụ: Đối với C/O số 21.2016.24464 thì ngày xuất khẩu là ngày 15/9/2016, ngày phát hành C/O là ngày 20/9/2016. Như vậy, ngày 16/9/2016 (thứ sáu) là ngày làm việc thứ nhất, ngày 17 và 18 là ngày nghỉ, ngày 19/9/2016 (thứ hai) là ngày làm việc thứ hai và ngày 20/9/2016 (thứ ba) là ngày làm việc thứ ba. Do đó, C/O trên được phát hành ngày 20/9/2016 là không quá 03 ngày làm việc). Do đó, 18 giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O mẫu AANZ mà Công ty TNHH FB (Việt Nam) xuất trình không thuộc trường hợp phải đánh dấu vào tiêu chí “Issued Retroactively” tại ô số 13 của C/O.

Từ những phân tích trên, thấy rằng việc người bị kiện cho rằng 1190 giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O mẫu AANZ của Công ty TNHH FB (Việt Nam) không đủ điều kiện được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt và ấn định thuế

bổ sung cho người khởi kiện với số tiền 104.884.131.578 đồng là không có cơ sở. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 262/QĐ-KTSTQ ngày 12/06/2018 của Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan.

Đối với yêu cầu của người khởi kiện về việc yêu cầu Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp là 134.347.800.239 đồng theo Quyết định số 262/QĐ-KTSTQ và Thông báo số 540/TB-KTSTQ ngày 09/8/2018 thì xét thấy như đã nhận định trên, việc ấn định số tiền thuế 104.884.131.578 đồng là không có cơ sở, do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện buộc người bị kiện phải hoàn lại số tiền 134.347.800.239 đồng mà người khởi kiện đã nộp vào ngân sách nhà nước (trong đó bao gồm 104.884.131.578 đồng tiền thuế và 29.463.668.661 đồng tiền chậm nộp).

Về án phí sơ thẩm, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Hải quan năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư 07/2020/TT-BCT của Bộ Công thương về việc sửa đổi Thông tư 31/2015/TT-BCT quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN-Úc-NewZealand;

Căn cứ Thông tư 31/2015/TT-BCT của Bộ Công thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN-Úc-NewZealand;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH FB (Việt Nam) về việc:

- Hủy Quyết định số 262/QĐ-KTSTQ ngày 12/06/2018 của Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan;

- Buộc Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan phải hoàn lại số tiền 134.347.800.239 (một trăm ba mươi bốn tỷ, ba trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm ngàn, hai trăm ba mươi chín) đồng mà Công ty TNHH FB (Việt Nam) đã nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm. Nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH FB (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0044945 ngày 26/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. H;
- VKSND TP.H;
- Cục Thi hành án Dân sự TP.H;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thế Trọng